**MỘT SỐ THÔNG TIN**

**Về kết quả sản xuất nông lâm thuỷ sản giai đoạn 2013 - 2016; định hướng phát triển giai đoạn 2017-2020**

Trong những năm gần đây, nông nghiệp Thanh Hóa duy trì tăng trưởng khá; cơ cấu kinh tế trong nội bộ ngành chuyển dịch đúng hướng; sản xuất nông lâm thuỷ sản được đẩy mạnh theo hướng nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả, khả năng cạnh tranh và phát triển bền vững, tạo nguồn cung lương thực, thực phẩm dồi dào; đóng góp quan trọng cho tăng trưởng kinh tế và ổn định xã hội của tỉnh. Một số kết quả trong sản xuất nông lâm thuỷ sản giai đoạn 2013 - 2016; định hướng phát triển giai đoạn 2017-2020 như sau:

**I. CÁC QUY HOẠCH, ĐỀ ÁN VÀ CÁC CHÍNH SÁCH PHÁT TRIỂN SẢN XUẤT NÔNG LÂM THUỶ SẢN**

**1. Các quy hoạch, đề án đã và đang thực hiện**

*- Các quy hoạch, đề án được phê duyệt từ năm 2013 đến nay:* Quy hoạch tổng thể phát triển nông nghiệp; quy hoạch khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao Lam Sơn - Sao Vàng; quy hoạch vùng nguyên liệu mía đường Việt Đài; quy hoạch các cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm; quy hoạch vùng nguyên liệu cho dự án chăn nuôi bò sữa quy mô công nghiệp; quy hoạch bảo tồn và phát triển rừng đặc dụng; quy hoạch vùng nguyên liệu cá rô phi phục vụ chế biến, xuất khẩu; quy hoạch tổng thể thủy lợi; quy hoạch các mỏ đất làm vật liệu đắp đê; quy hoạch bố trí ổn định dân cư các vùng thiên tai, đặc biệt khó khăn, biên giới, hải đảo, các khu rừng đặc dụng, khu vực có dân di cư tự do; đề án cung cấp lương thực, thực phẩm phục vụ cho Khu kinh tế Nghi Sơn; đề án chuyển đổi đất trồng lúa năng suất, hiệu quả thấp sang các loại cây trồng khác và nuôi trồng thủy sản đạt hiểu quả kinh tế cao hơn trên địa bàn tỉnh; kế hoạch quản lý vận chuyển, giết mổ và kinh doanh thịt gia súc, gia cầm trên địa bàn tỉnh Thanh Hoá, giai đoạn 2016-2020.

*- Các quy hoạch, đề án đang tiếp tục hoàn chỉnh:* Quy hoạch vùng nguyên liệu mía đường Lam Sơn; quy hoạch phát triển vùng nguyên liệu cam vàng gắn với nhà máy chế biến nước hoa quả đóng hộp; quy hoạch, kế hoạch bảo vệ và phát triển rừng ven biển; quy hoạch vùng nguyên liệu cho các nhà máy chế biến gỗ; quy hoạch bảo tồn vùng nước nội địa Sông Mã; quy hoạch các vùng sản xuất hàng hoá nông sản, thuỷ sản an toàn trên địa bàn tỉnh đến năm 2025, định hướng đến năm 2030; đề án thành lập Viện Khoa học Nông nghiệp Thanh Hóa trên cơ sở các Trung tâm nghiên cứu về nông nghiệp hiện có của tỉnh.

Ngay sau khi các đề án, quy hoạch được Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt, Sở Nông nghiệp và PTNT đã chủ động phối hợp với các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố và các đơn vị có liên quan công bố, triển khai thực hiện; tham mưu cho UBND tỉnh giao chỉ tiêu kế hoạch hàng năm cho các địa phương, đơn vị thực hiện; thường xuyên chỉ đạo, đôn đốc, hướng dẫn và kiểm tra các địa phương, đơn vị thực hiện.

**2. Cơ chế chính sách đã và đang triển khai**

***- Các chính sách của trung ương:***

+ Chính sách phát triển thủy sản theo Nghị định số 67/2014/NĐ-CP ngày 07/7/2014 của Thủ tướng Chính phủ;

+ Chính sách hỗ trợ nâng cao hiệu quả chăn nuôi nông hộ theo Quyết định số 50/2014/QĐ-TTg ngày 04/9/2014 của Thủ tướng Chính phủ.

+ Chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn theo Nghị định số 210/2013/NĐ-CP ngày 19/12/2013 của Thủ tướng Chính phủ.

***- Cơ chế, chính sách do UBND tỉnh Ban hành:***

+ Cơ chế, chính sách phát triển sản xuất rau an toàn tập trung, giai đoạn 2013-2015 theo Quyết định số 618/2013/QĐ-UBND ngày 19/02/2013 của UBND tỉnh Thanh Hóa.

+ Cơ chế, chính sách xây dựng vùng thâm canh lúa năng suất, chất lượng, hiệu quả cao theo Quyết định số 1415/2014/QĐ-UBND ngày 16/5/2014 của UBND tỉnh Thanh Hóa.

+ Cơ chế, chính sách khuyến khích thực hiện tái cơ cấu ngành nông nghiệp tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2016 – 2020 theo Quyết định số 5643/2015/QĐ-UBND ngày 31/12/2015 của UBND tỉnh Thanh Hóa; trong đó tập trung vào các nội dung như: Hỗ trợ xây dựng vùng thâm canh lúa năng suất, chất lượng, hiệu quả cao tại các xã miền núi; sản xuất rau an toàn tập trung; mua máy thu hoạch mía và hệ thống tưới mía mặt ruộng; vùng luồng thâm canh; hỗ trợ sản xuất tập trung quy mô lớn; kinh phí thuê đất, thuê mặt nước; hạ tầng khu trang trại chăn nuôi tập trung quy mô lớn; liên kết sản xuất và bao tiêu sản phẩm trồng trọt; giải phóng mặt bằng cho các doanh nghiệp.

- Cơ chế, chính sách hỗ trợ sản xuất giống cây trồng, vật nuôi trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2016 – 2020 theo Quyết định số 5637/2015/QĐ-UBND ngày 31/12/2015 của UBND tỉnh Thanh Hóa.

Các cơ chế, chính sách đã tác động tích cực tới việc chuyển dịch cơ cấu cây trồng, vật nuôi theo hướng sản xuất hàng hoá tập trung, an toàn thực phẩm; khuyến khích đầu tư cơ sở hạ tầng, đời sống của nông dân từng bước được củng cố, tạo niềm tin trong nhân dân.

**II. KẾT QUẢ PHÁT TRIỂN SẢN XUẤT NÔNG LÂM THUỶ SẢN GIAI ĐOẠN 2013-2016**

**1. Lĩnh vực trồng trọt**

Thực hiện chuyển đổi cơ cấu giống, cơ cấu mùa vụ: Đã chuyển đổi 4.268,2 ha đất lúa, 1.961,7 ha ha đất mía kém hiệu quả sang trồng các loại cây trồng có giá trị cao hơn; xác định rõ một số vùng nguyên liệu tập trung cho các nhà máy chế biến, như: Lúa thâm canh năng suất, chất lượng cao 64.534 ha; ngô thâm canh 8.000 ha; mía thâm canh 6.669 ha; rau an toàn 379 ha; cây ăn quả 2.500; hoa, cây cảnh 40 ha; cây thức ăn chăn nuôi 3.476 ha. Xây dựng nhiều mô hình liên kết sản xuất chuỗi mang lại hiệu quả cao, như: Mô hình sản xuất lúa theo phương pháp hữu cơ, quy mô 100 ha ở vụ Xuân và 180 ha ở vụ Mùa tại huyện Thiệu Hóa; mô hình chuỗi sản xuất cung ứng lương thực, thực phẩm phục vụ Khu kinh tế Nghi Sơn *(Gồm các sản phẩm: Gạo; rau quả; thịt gia súc, gia cầm; trứng gia cầm; thuỷ sản)*; mô hình ứng dụng ngô biến đổi gen, quy mô 50 ha tại huyện Thọ Xuân; mô hình sản xuất mía thâm canh, thu hoạch bằng máy (công suất 150-200 tấn/ngày/máy) tại Công ty cổ phần Mía đường Lam Sơn,...;

Các quy trình sản xuất tiên tiến, thân thiện với môi trường được phổ biến nhân rộng; công tác bảo vệ thực vật được triển khai thực hiện hiệu quả, công tác dự tính, dự báo được tăng cường, đã phát hiện và khống chế kịp thời các loại sâu bệnh khi mới phát sinh; số lượng, số lần sử dụng thuốc BVTV giảm đáng kể.

**2. Lĩnh vực chăn nuôi**

Chuyển dịch cơ cấu vật nuôi, phát triển các sản phẩm lợi thế có chuyển biến tích cực. Đàn bò sữa đạt 4.000 con, tăng gần 3 lần so với năm 2013; phát triển mới đàn bò thịt chất lượng cao 8.805 con; lợn hướng nạc 330.000 con, tăng 32%; lợn sữa xuất khẩu 150.000 con, tăng 38,9%; lợn mán, lợn cỏ, lợn rừng 10.000 con, tăng 40,8%; gà lông màu 5 triệu con; gà ri, gà mía 324.000 con; vịt cỏ, vịt Cổ Lũng 16.000 con.

Đã định hình rõ rệt tái cơ cấu vùng, chăn nuôi lợn ngoại hướng nạc tập trung ở các huyện đồng bằng và trung du; chăn nuôi bò sữa phát triển ở các nông trường được chuyển đổi thành công ty TNHH 2TV như Nông trường Yên Mỹ, Nông trường Thống nhất và các huyện phụ cận; đàn gà lông màu phát triển ở các vùng có lợi thế, đảm bảo môi trường; con nuôi đặc sản được phát triển tập trung ở vùng núi và trung du.

Chăn nuôi nông hộ nhỏ lẻ giảm, chuyển mạnh sang chăn nuôi gia trại, trang trại tập trung quy mô lớn ở cả vùng đồng bằng, trung du và miền núi. Đã thu hút và triển khai thực hiện các dự án chăn nuôi quy mô lớn, như: Công ty Sữa Vinamilk đã xây dựng Trại bò Thanh Hóa 2 tại Phú Nhuận, Như Thanh, đưa tổng số bò sữa của 2 trang trại Như Thanh và Lam Sơn lên 3.981 con; Công ty TNHH bò sữa Thống Nhất Thanh Hóa đang đầu tư Trung tâm các trang trại bò sữa quy mô 16.000 con; Công ty CP ứng dụng công nghệ cao Nông nghiệp và thực phẩm sữa TH đang đầu tư dự án bò sữa với quy mô 20.000 con; Công ty CP chăn nuôi Bá Thước đầu tư dự án bò thịt chất lượng cao, quy mô 20.000 bê đực được nhập về từ Úc, đã nhập đợt bò đầu tiên 3.319 con, đang trong quá trình nuôi vỗ béo và đã xuất bán được 1.000 con; Công ty Cổ phần thức ăn chăn nuôi Thái Dương đang đầu tư dự án Liên hợp sản xuất thức ăn chăn nuôi, chăn nuôi lợn và chế biến nông sản với quy mô 100.000 tấn/năm và 70.000 con lợn;...

- Tổ chức sản xuất theo chuỗi giá trị ngành hàng: Đã và đang hình thành các liên kết chuỗi trong chăn nuôi, như: Chăn nuôi bò sữa của Công ty TNHH MTV sữa Lam Sơn (Vinamilk); Công ty CP Nông sản, thực phẩm Việt Hưng, sản xuất, chế biến, tiêu thụ theo chuỗi khép kín thịt gia súc, gia cầm; Công ty CP nông sản Phú Gia sản xuất, chế biến, kinh doanh thực phẩm sạch theo chuỗi bao gồm cả thức ăn chăn nuôi do đơn vị sản xuất; Công ty CP súc sản Hàm Rồng giết mổ, chế biến lợn sữa...

**3. Lĩnh vực lâm nghiệp**

Phát triển liên kết theo chuỗi giá trị sản phẩm, hình thành liên kết giữa người trồng rừng và các cơ sở chế biến, tiêu thụ sản phẩm lâm nghiệp; nâng cao giá trị gia tăng sản phẩm gỗ qua chế biến; khuyến khích và tạo điều kiện thuận lợi về đất đai, giải phóng mặt bằng để kêu gọi các doanh nghiệp đầu tư chế biến theo chiều sâu (ván ghép thanh, ván MDF, các sản phẩm chế biến luồng,…).

Tập trung phát triển các sản phẩm lợi thế: Rừng gỗ lớn 35.500 ha, tăng 14.000 ha so với năm 2013; xây dựng 9 rừng giống chuyển hóa cung cấp khoảng 1.700 kg hạt giống các loại/năm, tuyển chọn cây mẹ làm giống được 02 loài (giổi và quế); lựa chọn, khảo sát, đánh giá diện tích rừng trồng sản xuất để cấp chứng chỉ rừng (FSC) ở huyện Thạch Thành và Ngọc Lặc. Phát triển luồng thâm canh 14.390 ha. Khai thác dược liệu dưới tán rừng tự nhiên 94.000 ha. Phát triển 100 ha quế ngọc tại huyện Thường Xuân.

**4. Lĩnh vực thủy sản**

Đẩy mạnh áp dụng thực hành nuôi trồng thủy sản tốt, nuôi trồng thủy sản có chứng nhận; phát triển các vùng nuôi thủy sản thâm canh ứng dụng công nghệ cao, bảo vệ môi trường sinh thái, phù hợp với yêu cầu của thị trường; chuyển dịch các đối tượng nuôi có giá trị cao và xuất khẩu, như: Tôm chân trắng 170 ha, tăng 30,8%; ngao 1.500 ha, tăng 32,8%; cá rô phi 325 ha. Giá trị sản phẩm thu được trên 1 ha mặt nước nuôi trồng thủy sản tăng từ 126,3 triệu đồng/ha năm 2013 lên 173,8 triệu đồng/ha năm 2016.

Cơ cấu khai thác thủy sản chuyển dịch tích cực, chuyển từ khai thác ven bờ sang khai thác xa bờ, sử dụng các phương tiện, máy móc hiện đại nhằm tăng hiệu quả sản xuất; khai thác biển tăng từ 96% năm 2013 lên 97% năm 2016, trong đó: Khai thác xa bờ tăng từ 41,4% lên 61,4%, khai thác gần bờ giảm từ 58,6% xuống 38,6%; khai thác nội địa giảm từ 4,0% xuống 3,6%. Cơ cấu và năng lực tàu thuyền chuyển dịch nhanh: Tổng tàu cá giảm từ 7.543 chiếc năm 2013 chiếc xuống 7.414 chiếc năm 2016, số tàu giảm chủ yếu là tàu có công suất dưới 30CV; tổng công suất tăng từ 376 nghìn CV lên 438 nghìn CV, công suất bình quân tăng từ 50CV/tàu lên 63CV/tàu. Số lượng tàu cá khai thác xa bờ tăng từ 1.142 tàu lên 1.676 tàu.

Trong 3 năm gần đây, các chủ tàu đã đầu tư nâng cấp, đóng mới tàu và ngư lưới cụ, áp dụng mô hình bảo quản sản phẩm khai thác hải sản bằng nước biển lạnh hoàn toàn, hầm bảo quản bằng bọt xốp Polyuethane (PU), lót hầm tàu cá bằng inox ứng dụng công nghệ vật liệu mới để nâng cao khả năng giữ nhiệt của hầm bảo quản; trang bị máy thông tin liên lạc tầm xa có tích hợp định vị vệ tinh; tổ chức lại sản xuất trên biển theo mô hình tổ đoàn kết đối với khai thác vùng biển khơi và mô hình đồng quản lý đối với vùng biển ven bờ. Toàn tỉnh có 262 tổ đoàn kết trên biển, tăng 91 tổ so với năm 2013, có 1.676 tàu cá tham gia đã phát huy được sức mạnh tập thể trong khai thác hải sản, cứu hộ, cứu trợ lẫn nhau, giúp đỡ nhau trong sản xuất. Đã hỗ trợ 63 máy thông tin liên lạc sóng HF tầm xa tích hợp định vị vệ tinh GPS lắp đặt cho các tàu cá thuộc tổ đoàn kết trên biển và lắp đặt 01 Trạm bờ Thanh Hóa.

**5. Công nghiệp chế biến, bảo quản sau thu hoạch và phát triển thị trường**

*- Kết quả phát triển chế biến, bảo quản, cơ giới hóa:*

+ Chế biến nông, lâm, thủy sản: Năm 2016, sản lượng đường đạt 214.200 tấn; tinh bột sắn 55.000 tấn; giấy, bìa các loại 34.670 tấn; nước mắm 46,5 triệu lít; thủy sản đông lạnh 32.600 tấn; Surimi 1.740 tấn. Xuất khẩu nông, lâm, thủy sản đạt 114,42 triệu USD, trong đó: Chính ngạch 84,83 triệu USD, tiểu ngạch 29,59 triệu USD.

+ Cơ điện trong nông nghiệp nông thôn: Tỷ lệ diện tích các cây trồng chính được áp dụng cơ giới năm 2016, trong đó: Khâu làm đất 87,67%; khâu gieo trồng 7,16%; khâu chăm sóc 4,5; khâu thu hoạch 77,65.

*- Phát triển thị trường tiêu thụ nông sản:* Từ năm 2013 đến nay, đã hỗ trợ nhiều doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh nông, lâm, thủy sản trên địa bàn tỉnh tham gia các kỳ Hội chợ triển lãm do Bộ Nông nghiệp và PTNT tổ chức thường niên; hỗ trợ và tạo điều kiện cho các doanh nghiệp tham gia các chương trình xúc tiến thương mại, kết nối tiêu thụ thực phẩm nông lâm thuỷ sản, chương trình người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam, các chương trình hội chợ triển lãm trong và ngoài tỉnh... Các mặt hàng nông, lâm, thủy sản của Thanh Hóa đã tham gia xuất khẩu đến nhiều thị trường, giá trị xuất khẩu không ngừng tăng qua các năm, thị trường Châu Á chủ yếu vẫn là Trung Quốc, Hàn Quốc, Nhật Bản, Singapo, Thái lan; thị trường Châu Âu chủ yếu là Nga, Pháp, Belarut, Tây Ban Nha, Bồ Đào Nha, Ý, Mỹ.

*- Doanh nghiệp sản xuất, chế biến nông lâm thủy sản:*

+ Toàn tỉnh hiện có 6.829 cơ sở xay xát gạo, ngô; 1.481 hộ và 18 cơ sở chế biến bún, miến, bánh, mì khô; 1.146 cơ sở chế biến bánh kẹo; 882 hộ chế biến đậu phụ; 03 nhà máy chế biến sắn với tổng công suất 1.990 tấn củ tươi/ngày; 04 nhà máy mía đường với tổng công suất 19.500 tấn mía cây/ngày; 01 nhà máy chế biến cao su với công suất 3.000 tấn/năm. Một số cơ sở chế biến rau quả xuất khẩu, như: Công ty CP xuất nhập khẩu Nông sản Đồng Xanh; Công ty TNHH Tư Thành, Xí nghiệp chế biến rau quả xuất khẩu Bút Sơn; Nhà máy chế biến rau quả xuất khẩu Hà Trung; Xí nghiệp chế biến măng xuất khẩu Bá Thước; Nhà máy chế biến rau quả Thống Nhất...

+ Toàn tỉnh hiện có 114 doanh nghiệp, 835 cơ sở và 28 làng nghề có hoạt động chế biến lâm sản; 58 doanh nghiệp chế biến gỗ, 56 doanh nghiệp chế biến tre luồng. Năm 2016 trên địa bàn tỉnh chế biến tiêu thụ 5.000-10.000 m3 gỗ gia dụng và xây dựng, 80.000 m3 dăm gỗ; 50.000 m2 ván gỗ công nghiệp, ván ghép; 9.000 tấn đũa, hương; 3 triệu m2 cót ép; 4 triệu sản phẩm hàng mây tre...

+ Toàn tỉnh hiện có 81 doanh nghiệp chuyên chế biến, kinh doanh xuất khẩu thủy sản với tổng vốn đầu tư khoảng 1.112 tỷ đồng, tổng công suất khoảng 280.000 tấn sản phẩm thủy sản/năm; tổng sản lượng khai thác, nuôi trồng và thu mua thủy sản mới đáp ứng khoảng 60% nhu cầu nguyên liệu cho chế biến xuất khẩu và tiêu dùng nội địa.

**6. Công tác quản lý chất lượng, an toàn thực phẩm:**

Ngành đã tích cực tham mưu, thực hiện đồng bộ các nhiệm vụ, giải pháp quản lý chất lượng VTNN và ATTP nông, lâm, thủy sản; thực hiện tốt công tác tuyên truyền, phổ biến giáo dục nâng cao nhận thức của người sản xuất, kinh doanh và người tiêu dùng. Triển khai có hiệu quả Chương trình mục tiêu quốc gia về vệ sinh ATTP, Đề án tăng cường quản lý chất lượng VTNN và chất lượng nông, lâm, thủy sản đảm bảo vệ sinh ATTP, Đề án cung cấp lương thực, thực phẩm phục vụ Khu kinh tế Nghi Sơn; Kế hoạch số 46/KH-UBND ngày 06/5/2014 của UBND tỉnh về nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước trong lĩnh vực quản lý chất lượng VTNN và ATTP; Kế hoạch số 49/KH-UBND ngày 13/5/2014 của UBND tỉnh về tổ chức sản xuất thực phẩm an toàn.

Thực hiện tốt kế hoạch cao điểm về vệ sinh an toàn thực phẩm trong lĩnh vực nông nghiệp do Bộ Nông nghiệp và PTNT, UBND tỉnh ban hành; trong đó tăng cường kiểm tra, đánh giá, phân loại, chứng nhận theo Thông tư số 45/2014/TT-BNNPTNT, Thông tư số 51/2014/TT-BNNPTN; đẩy mạnh thanh tra, kiểm tra đột xuất, ưu tiên nhóm sản phẩm đang gây bức xúc về chất lượng, an toàn thực phẩm tại địa phương; thiết lập "đường dây nóng" tiếp nhận và xử lý các thông tin của quần chúng nhân dân về việc phát hiện các trường hợp vi phạm sử dụng chất cấm trong chăn nuôi. Tổ chức xây dựng các chuỗi cung ứng thực phẩm an toàn, xác nhận sản phẩm an toàn theo chuỗi và công bố công khai các doanh nghiệp và địa chỉ bày bán giúp người tiêu dùng yên tâm lựa chọn, sử dụng sản phẩm.

Năm 2016, Sở Nông nghiệp và PTNT đã tham mưu Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh ban hành Nghị quyết số 04-NQ/TU ngày 18/8/2016 về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác đảm bảo vệ sinh ATTP trên địa bàn tỉnh đến năm 2020; UBND tỉnh ban hành Quyết định số 3912/2016/QĐ-UBND, ngày 10/10/2016 về quy định phân công trách nhiệm quản lý nhà nước về VTNN và ATTP trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa…, làm cơ sở chỉ đạo, điều hành, tổ chức, thực hiện tốt các nhiệm vụ do Bộ Nông nghiệp và PTNT, UBND tỉnh giao. Những kết quả đạt được trong thời gian qua đã và đang tạo những chuyển biến rõ nét trong công tác quản lý ATTP, thu hút được nhiều tầng lớp nhân dân, các cơ quan, doanh nghiệp cùng tham gia hưởng ứng.

Một số kết quả nổi bật như: Đã xử lý dứt điểm tình trạng sử dụng chất cấm trong chăn nuôi; giảm thiểu các vi phạm về tồn dư thuốc bảo vệ thực vật, kháng sinh, trong các sản phẩm thực phẩm nông lâm thuỷ sản; xây dựng được các chuỗi sản xuất, cung ứng thực phẩm an toàn, *(hiện đã có 14 địa chỉ bày bán thực phẩm an toàn được xác nhận)* được đăng tải công khai tại mục ***Địa chỉ xanh – Nông sản sạch*** trên Webside của Cục Quản lý chất lượng nông lâm sản và thuỷ sản và các phương tiện thông tin truyền thông khác.

**III. MỤC TIÊU VÀ CÁC GIẢI PHÁP ĐỂ ĐẨY MẠNH PHÁT TRIỂN SẢN XUẤT NÔNG LÂM THUỶ SẢN GIAI ĐOẠN 2017 - 2020**

**1. Mục tiêu, chỉ tiêu cụ thể**

***1.1. Mục tiêu:***

- Tốc độ tăng trưởng ngành nông, lâm, thủy sản bình quân giai đoạn đạt 2,9%/năm, trong đó: Nông nghiệp 2,3%, lâm nghiệp 6,8%, thuỷ sản 5,6%.

- Cơ cấu giá trị sản xuất nông, lâm, thủy sản đến năm 2020: Nông nghiệp chiếm 73% (trong nông nghiệp: Trồng trọt 48%, chăn nuôi 45% và dịch vụ 7%), lâm nghiệp 8%, thủy sản 19%.

- Tổng sản lượng lương thực bình quân hàng năm giữ ổn định 1,5 triệu tấn.

- Chất lượng các sản phẩm nông lâm thuỷ sản được nâng cao; phấn đấut hực phẩm được sản xuất, nhập khẩu, lưu thông và sử dụng trên địa bàn tỉnh cơ bản đáp ứng đầy đủ các quy định về VSATTP; trong đó sản phẩm ứng dụng công nghệ cao đạt 30%; thực phẩm tiêu dùng trên địa bàn tỉnh được cung cấp thông qua các chuỗi liên kết sản xuất, cung ứng thực phẩm an toàn có xác nhận đạt 50% trở lên.

***1.2. Chỉ tiêu:***

*a) Trồng trọt:* Tập trung phát triển các sản phẩm lợi thế, như: Vùng lúa thâm canh năng suất, chất lượng cao 150.000 ha gieo trồng; vùng sản xuất ngô thâm canh năng suất, chất lượng cao 20.000 ha gieo trồng, trong đó ứng dụng tiến bộ về giống biến đổi gen khoảng 1.000 ha; vùng rau an toàn tập trung theo hình thức cánh đồng lớn, áp dụng quy trình thực hành nông nghiệp tốt (VietGAP) trên 12.000 ha gieo trồng; hoa theo hướng thâm canh 300 ha, trong đó sản xuất trong nhà lưới với diện tích 120 ha; vùng mía thâm canh theo hình thức cánh đồng lớn 20.000 ha; vùng cây ăn quả tập trung gắn với công nghiệp chế biến 7.000 ha; cây thức ăn chăn nuôi 12.700 ha.

Chuyển đổi linh hoạt khoảng 27.000 ha đất trồng lúa năng suất thấp, kém hiệu quả, 8.000 ha mía, 7.000 ha lạc, 3.000 ha sắn, để tăng thêm diện tích cây thức ăn chăn nuôi, ngô, rau các loại, cây ăn quả.

*b) Chăn nuôi:* Tập trung phát triển các sản phẩm lợi thế, như: Bò sữa 50.000 con; bò thịt chất lượng cao 30.000 con, theo 2 hướng: Khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư nhập nội 10.000 con và tạo giống bò thịt chất lượng cao tại chỗ 20.000 con; lợn hướng nạc 520.000 con, phát triển khoảng 40 trang trại có quy mô từ 1.000-5.000 nái ngoại hướng nạc; gà lông màu 8.000.000; con nuôi đặc sản: Lợn sữa xuất khẩu 350.000 con, đàn gà ri 1.100.000 triệu con, đàn lợn mán và lợn rừng 18.000 con, đàn vịt 700.000 con.

*c) Lâm nghiệp:* Tập trung phát triển các sản phẩm lợi thế, như: Vùng rừng gỗ lớn 56.000 ha; vùng luồng thâm canh 30.000 ha; vùng quế 1.000 ha; khai thác có hiệu quả và bền vững các loại cây dược liệu dưới tán rừng tự nhiên khoảng 94.000 ha.

*d) Thủy sản:* Tập trung phát triển các sản phẩm lợi thế, như: Tôm chân trắng thâm canh 500 ha, trên cơ sở cải tạo, nâng cấp vùng nuôi tôm sú công nghiệp; vùng nuôi ngao Bến Tre 1.500 ha; cá rô phi đơn tính thâm canh xuất khẩu 1.000 ha, tập trung chủ yếu tại các vùng cá - lúa đã có hạ tầng đầu mối; nâng cao năng lực khai thác hải sản xa bờ gắn với áp dụng công nghệ hiện đại, sản lượng khai thác xa bờ đến năm 2020 đạt 86.200 tấn.

**2. Nhiệm vụ và giải pháp đẩy mạnh phát triển sản xuất**

***2.1. Rà soát, điều chỉnh nâng cao chất lượng quy hoạch theo hướng tập trung cho chế biến:***

- Trên cơ sở Quy hoạch tổng thể phát triển nông nghiệp và Đề án Tái cơ cấu ngành nông nghiệp của tỉnh, tập trung rà soát, điều chỉnh, bổ sung các quy hoạch theo hướng tập trung cho chế biến, bảo đảm chất lượng, phát huy lợi thế và khả năng cạnh tranh, đáp ứng yêu cầu sản xuất nông nghiệp hàng hóa và xu hướng của thị trường tiêu thụ; quy hoạch vùng sản xuất các loại nông sản chủ lực, từng bước xây dựng thương hiệu quốc gia, quốc tế cho các vùng nông sản của tỉnh. Phát triển nông thôn gắn với phát triển đô thị và quá trình đô thị hóa, bảo vệ cảnh quan môi trường.

- Trong quá trình rà soát, xây dựng quy hoạch phải lấy ý kiến các nhà khoa học, doanh nghiệp và người dân; công bố công khai quy hoạch và tăng cường kiểm tra, giám sát việc thực hiện quy hoạch.

***2.2. Chuyển đổi mạnh mẽ các hình thức tổ chức sản xuất nông nghiệp:***

- Tiếp tục khuyến khích tích tụ ruộng đất theo quy định của pháp luật; phải coi việc tích tụ ruộng đất là khâu đột phá trong tổ chức sản xuất nông nghiệp trong thời gian tới. Tích tụ ruộng đất được thực hiện một cách linh hoạt như: Chuyển dịch giữa nông dân với nông dân (dồn điền đổi thửa hoặc nông dân trao đổi, thuê, mượn lại đất của nhau); thông qua hợp tác xã, tổ hợp tác để các hộ nông dân cùng góp đất để sản xuất hoặc hộ nông dân không góp đất nhưng thống nhất về định hướng thị trường, đầu vào, đầu ra, phương thức canh tác; thông qua các công ty, doanh nghiệp nông nghiệp để các hộ nông dân góp vốn bằng quyền sử dụng đất, doanh nghiệp thuê lại đất của nông dân liên kết sản xuất theo mô hình cánh đồng mẫu lớn, các mô hình chuỗi giá trị. Chính quyền thống nhất giá thuê, tổng hợp các hộ có nhu cầu cho thuê, đổi điền dồn thửa để cho doanh nghiệp thuê.

- Tập trung chỉ đạo phát triển các chuỗi liên kết sản xuất đã và đang hình thành, đi vào chiều sâu, phát triển rõ nét và bền vững, trong đó doanh nghiệp làm trung tâm để liên kết với các tổ chức sản xuất, như: Chuỗi sản phẩm mía với Công ty cổ phần mía đường Lam Sơn, Công ty mía đường Nông Cống, Công ty TNHH đường mía Việt Nam - Đài Loan; bò sữa với Công ty Vinamilk, Công ty Cổ phần ứng dụng công nghệ cao nông nghiệp và thực phẩm sữa TH; bò thịt chất lượng cao với Tập đoàn Hoàng Anh Gia Lai; thực phẩm nông lâm thuỷ sản với Công ty CP lương thực Thanh Hoá, Công ty CP Nông sản, thực phẩm Việt Hưng, Công ty CP thực phẩm Phú Gia – ITC, Công ty TNHH Chế biến Hải sản Ba Làng (Xã Hải Thanh, huyện Tĩnh Gia); Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Hiền Nhuần, Hợp tác xã Dịch vụ nông nghiệp và Điện năng Hoằng Hợp …

- Thực hiện tốt việc khảo sát, dự báo thị trường để khuyến cáo các doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ nông dân điều chỉnh phương án sản xuất phù hợp với nhu cầu thị trường; quan tâm đến chế biến và xây dựng thương hiệu sản phẩm nông sản xứ Thanh; quảng bá sản phẩm để bán trên thị trường phục vụ tiêu dùng và cạnh tranh trên thị trường.

- Tạo điều kiện hơn nữa cho doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn; đồng thời quan tâm tổ chức lại hoạt động của các hợp tác xã sản xuất nông nghiệp; khuyến khích phát triển các tổ hợp tác khác trong nông nghiệp, nông thôn, đảm bảo hoạt động hiệu quả, tác động tích cực đến sản xuất, nâng cao thu nhập cho nông dân.

***2.3. Tập trung huy động các nguồn lực cho đầu tư phát triển nông nghiệp; xây dựng các cơ chế, chính sách tạo sự đột phá trong nông nghiệp***

*- Xây dựng và triển khai thực hiện cơ chế, chính sách:*

Thực hiện có hiệu quả các cơ chế, chính sách của Trung ương và địa phương đã ban hành về nông nghiệp, nông thôn; thường xuyên đánh giá chính sách; khảo sát thực tế để nắm bắt vướng mắc, khó khăn và bất cập của các chính sách để kịp thời sửa đổi, bổ sung đối với những chính sách của tỉnh ban hành, kiến nghị với Chính phủ và các bộ, ngành Trung ương sủa đổi, bổ sung đối với chính sách của Trung ương ban hành phù hợp với thực tế và hiệu quả hơn, tạo động lực mạnh mẽ khuyến khích phát triển sản xuất, thu hút doanh nghiệp vào đầu tư, chuyển giao khoa học và công nghệ, phát triển liên kết sản xuất,...

*- Tăng cường đầu tư, ưu tiên bố trí vốn ngân sách và thu hút các nguồn lực khác đầu tư vào nông nghiệp:*

+ Vận dụng có hiệu quả các cơ chế, chính sách của Trung ương để xây dựng các chương trình, dự án nhằm tranh thủ nguồn hỗ trợ đầu tư từ Trung ương; ưu tiên bố trí vốn ngân sách cho đầu tư phát triển nông nghiệp nông thôn; quan tâm phát triển kết cấu hạ tầng nông nghiệp, nông thôn, tăng cường năng lực phòng chống, giảm nhẹ thiên tai và thích ứng với biến đổi khí hậu.

+ Tăng cường huy động nguồn vốn qua kênh tín dụng cho đầu tư phát triển nông nghiệp: Triển khai đầy đủ, hiệu quả các Chương trình tín dụng cho lĩnh vực nông nghiệp nông thôn; làm rõ cho các cấp, các ngành và nông dân trong tỉnh thấy rõ hơn tín dụng là kênh vốn chủ yếu cho nông dân để phát triển kinh tế xã hội;

+ Tích cực phối hợp với các bộ, ngành Trung ương, các nhà tài trợ để vận động, thu hút các nguồn vốn ODA, vốn tài trợ của các tổ chức phi chính phủ. Mở rộng hợp tác với các tổ chức tài chính lớn như WB, ADB, KEXIMBANK, JICA,... nhằm thu hút vốn đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn.

+ Tạo điều kiện thuận lợi để các doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn; ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất; tăng cường huy động các nguồn vốn ưu đãi đầu tư phát triển các sản phẩm nông nghiệp lợi thế, chế biến và tiêu thụ các sản phẩm an toàn.

- Đầu tư phát triển công nghiệp chế biến gắn với các vùng nguyên liệu sản xuất, đặc biệt là các công nghệ chế biến theo hướng hiện đại, nâng cao giá trị gia tăng của sản phẩm.

***2.4. Tăng cường quản lý nhà nước về chất lượng VTNN, ATTP nông lâm, thuỷ sản***

Tiếp tục nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước trong lĩnh vực quản lý chất lượng VTNN và ATTP nông, lâm, thủy sản, trong đó tập trung:

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến các quy định của pháp luật, tạo sự chuyển biến mạnh mẽ trong hoạt động sản xuất, kinh doanh vật tư nông nghiệp và sản phẩm nông sản, thủy sản đảm bảo chất lượng và an toàn thực phẩm.

- Triển khai đầy đủ các nhiệm vụ được giao theo Quyết định số 3517/QĐ-UBND ngày 14/9/2016 của UBND tỉnh Thanh Hóa về Ban hành Kế hoạch hành động thực hiện Nghị quyết số 04-NQ/TU ngày 18/8/2016 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác đảm bảo vệ sinh ATTP trên địa bàn tỉnh đến năm 2020; Quyết định số 3912/2016/QĐ-UBND, ngày 10/10/2016 về quy định phân công trách nhiệm quản lý nhà nước về VTNN và ATTP trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa…., làm cơ sở chỉ đạo, điều hành, tổ chức, thực hiện tốt các nhiệm vụ do Bộ Nông nghiệp và PTNT, UBND tỉnh giao.

- Triển khai thực hiện Kế hoạch năm cao điểm hành động về vệ sinh an toàn thực phẩm trong lĩnh vực nông nghiệp do Bộ Nông nghiệp và PTNT, UBND tỉnh ban hành; trong đó tăng cường kiểm tra, đánh giá, phân loại, chứng nhận theo Thông tư số 45/2014/TT-BNNPTNT, Thông tư số 51/2014/TT-BNNPTN; đẩy mạnh thanh tra, kiểm tra đột xuất, ưu tiên nhóm sản phẩm đang gây bức xúc về chất lượng, an toàn thực phẩm; kiểm tra, đánh giá đối với các nhóm VTNN phục vụ sản xuất có nguy cơ cao về gây mất an toàn thực phẩm như thức ăn chăn nuôi, thuốc thú y, thuốc bảo vệ thực vật, phân bón, chất xử lý cải tạo môi trường dùng trong nuôi trồng thủy sản. Công khai kết quả kiểm tra đánh giá phân loại, đặc biệt chú ý thực hiện tái kiểm tra, xử lý các cơ sở loại C theo quy định.

- Khuyến khích các cơ sở sản xuất kinh doanh thực phẩm nông sản, thủy sản áp dụng các quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt (VietGAP), thực hành sản xuất tốt (GMP), hệ thống phân tích mối nguy và kiểm soát điểm tới hạn (HACCP), các hệ thống quản lý chất lượng theo ISO (ISO 9000, ISO 22.000:2005,...).

- Đẩy mạnh xây dựng và phát triển các chuỗi cung ứng thực phẩm an toàn, xác nhận sản phẩm an toàn theo chuỗi; công bố công khai danh sách các cơ sở được giám sát, xác nhận sản phẩm an toàn, địa chỉ bày bán thực phẩm an toàn trên các phương tiện truyền thông; triển khai gắn tem thông minh nhận diện, truy xuất nguồn gốc sản phẩm.

***2.5. Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo điều hành của cấp ủy, chính quyền các cấp, huy động các đoàn thể, tổ chức chính trị xã hội tham gia thực sự có hiệu quả trong việc triển khai thực hiện:***

Nâng cao nhận thức, trách nhiệm của các cấp ủy Đảng, chính quyền, MTTQ và các đoàn thể nhân dân, doanh nghiệp và cán bộ, đảng viên, đoàn viên, hội viên về vị trí, vai trò của việc phát triển nông nghiệp, nông thôn, tạo đồng thuận cao để triển khai thực hiện có hiệu quả Chương trình tái cơ cấu ngành nông nghiệp. Phát huy vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu cấp ủy, chính quyền các cấp; lấy kết quả lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện Chương trình làm thước đo mức độ hoàn thành nhiệm vụ.

Các đoàn thể, tổ chức chính trị xã hội đẩy mạnh công tác vận động nhân dân thực hiện, tổ chức các phong trào thi đua phát triển sản xuất nông nghiệp, đảm bảo an toàn thực phẩm gắn với xây dựng nông thôn mới trong nhân dân.

Đề cao vị trí, vai trò và tầm quan trọng của doanh nhân, doanh nghiệp đối với phát triển nông nghiệp, nông thôn trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế./.